

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **05/2017/QĐ-UBND**

Phú Thọ, ngày 10 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc quy định giá dịch vụ thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt
trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/2/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 349/TTr-STC ngày 30 tháng 12 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá dịch vụ thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, như sau:

1. Đối với dịch vụ thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước: Giá dịch vụ chi tiết tại Phụ biểu kèm theo Quyết định này.

2. Đối với dịch vụ thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước: Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ quy định mức giá cụ thể nhưng không vượt quá 1,5 lần mức giá quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành, thị và các đơn vị liên quan hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện giá dịch vụ tại Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND các huyện, thành, thị để tổng hợp, tham mưu với UBND tỉnh xem xét, xử lý hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20/02/2017.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị; Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Công Thủy

PHỤ BIỂU

GIÁ DỊCH VỤ THU GOM VẬN CHUYỂN RÁC THẢI SINH HOẠT ĐƯỢC ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ*(Kèm theo Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 10/02/2017 của UBND tỉnh Phú Thọ)*

STT	DIỄN GIẢI	GIÁ DỊCH VỤ		
		TP. VIỆT TRÌ	TX. PHÚ THỌ	CÁC HUYỆN CÒN LẠI
I	Các cơ quan hành chính, sự nghiệp, trụ sở doanh nghiệp			
1	Các cơ quan hành chính, sự nghiệp, trụ sở doanh nghiệp có số người từ 50 người trở xuống.	600.000 đồng/tháng	400.000 đồng/tháng	300.000 đồng/tháng
2	Các cơ quan hành chính, sự nghiệp, trụ sở doanh nghiệp trên 50 người đến 100 người.	800.000 đồng/tháng	600.000 đồng/tháng	500.000 đồng/tháng
3	Các cơ quan hành chính, sự nghiệp, trụ sở doanh nghiệp trên 100 người.	1.000.000 đồng/tháng	900.000 đồng/tháng	700.000 đồng/tháng
II	Các cửa hàng, nhà hàng kinh doanh.			
1	Tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ			
	- Các Tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ mức thu lệ phí môn bài 3.000.000 đồng/năm	400.000 đồng/tháng	350.000 đồng/tháng	300.000 đồng/tháng
	- Các Tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ mức thu lệ phí môn bài 2.000.000 đồng/năm	350.000 đồng/tháng	300.000 đồng/tháng	250.000 đồng/tháng
	- Các Tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ mức thu lệ phí môn bài 1.000.000 đồng/năm	300.000 đồng/tháng	250.000 đồng/tháng	200.000 đồng/tháng
2	Các hộ gia đình, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.			
	- Nộp lệ phí môn bài mức 1.000.000 đồng/năm	300.000 đồng/tháng	250.000 đồng/tháng	220.000 đồng/tháng
	- Nộp lệ phí môn bài mức 500.000 đồng/năm	250.000 đồng/tháng	200.000 đồng/tháng	170.000 đồng/tháng
	- Nộp lệ phí môn bài mức 300.000 đồng/năm	150.000 đồng/tháng	120.000 đồng/tháng	80.000 đồng/tháng
3	Cửa hàng cắt tóc, gội đầu:	200.000 đồng/tháng	150.000 đồng/tháng	100.000 đồng/tháng
3	Các hộ gia đình, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ còn lại	150.000 đồng/tháng	100.000 đồng/tháng	70.000 đồng/tháng
4	Các hộ kinh doanh dịch vụ tại chợ.			

	-Hàng thực phẩm tươi sống, cắt tóc gội đầu, rau quả bán buôn.	50.000 đồng/hộ/tháng	40.000 đồng/hộ/tháng	35.000 đồng/hộ/tháng
	- Hàng giết mổ gia súc, gia cầm, ăn uống giải khát.	60.000 đồng/hộ/tháng	50.000 đồng/hộ/tháng	45.000 đồng/hộ/tháng
	- Hàng ăn uống.	100.000 đồng/hộ/tháng	80.000 đồng/hộ/tháng	60.000 đồng/hộ/tháng
	- Hàng tạp hóa, tạp phẩm, gia vị khô, rau quả, hoa tươi còn lại.	25.000 đồng/hộ/tháng	20.000 đồng/hộ/tháng	15.000 đồng/hộ/tháng
5	Các cửa hàng, nhà hàng kinh doanh khác còn lại.	120.000 đồng/tháng	100.000 đồng/tháng	80.000 đồng/tháng
6	- Các cửa hàng, nhà hàng kinh doanh xác định được khối lượng rác thải từ 1m ³ trở lên.	200.000 đồng/m ³ rác	180.000 đồng/m ³ rác	160.000 đồng/m ³ rác
III	Đối với các công trình xây dựng (không xác định được khối lượng rác)	0,04% giá trị xây lắp công trình	0,04% giá trị xây lắp công	0,04% giá trị xây lắp công trình
IV	Các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị xác định được khối lượng rác thải từ 1m³ trở lên	200.000 đồng/m ³ rác	180.000 đồng/m ³ rác	160.000 đồng/m ³ rác
V	Các hộ gia đình không kinh doanh:			
1	Thuộc các phường	8.000 đồng/người/thán g	8.000 đồng/người/thán g	
2	Các xã thuộc thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ và các thị trấn các huyện	7.000 đồng/ người /tháng	7.000 đồng/ người /tháng	7.000 đồng/ người /tháng
3	Các xã còn lại trong tỉnh			5.000 đồng/ người /tháng